

Số: 19/BC-TGD

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

**Kính gửi: Quý cổ đông - Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP**

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, tôi xin được báo cáo cho toàn thể quý cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như sau:

### I. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2021 và triển vọng năm 2022

#### 1. Kinh tế thế giới:

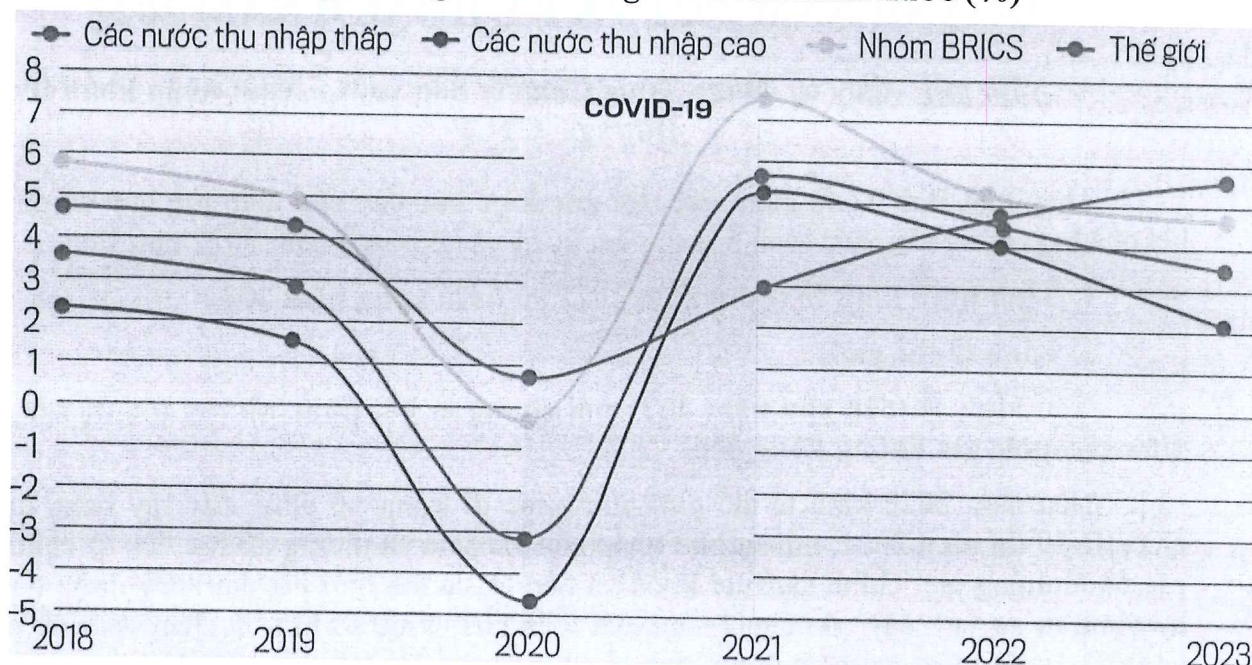
Nền kinh tế toàn cầu năm 2021 nói chung là hồi phục nhưng tốc độ hồi phục giữa các quốc gia không đồng đều.

Nếu năm 2020 kinh tế thế giới như bước đi trong vô định, đầy rẫy bóng đen do COVID-19 thì năm 2021, với sự phủ khắp của vaccine và những nỗ lực đền từ chính phủ các nước thông qua chính sách tài khóa và tiền tệ, cả thế giới bắt đầu thấy được tia sáng hy vọng từ sự vực dậy của chuỗi sản xuất toàn cầu. Việc sở hữu lá chắn vaccine phòng COVID-19 đã giúp các hoạt động kinh tế có thể quay trở lại nhịp vận động trước đó. Từ mức tăng trưởng -3,5% năm 2020, trong các báo cáo cập nhật của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) từ tháng 1 đến tháng 7, GDP thế giới được dự báo tăng từ 5,5 - 6%. Nguyên nhân là do cầu tiêu dùng tăng nhanh, thậm chí là đột biến sau khi mở cửa đã thúc đẩy hoạt động sản xuất và dịch vụ.

Tuy nhiên, chuỗi cung ứng toàn cầu đã rơi vào tình trạng “trở tay không kịp” khi nền kinh tế thế giới phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch. Nhu cầu hàng hoá tăng vọt trong khi hoạt động sản xuất và vận tải không phục hồi với tốc độ tương ứng, khiến toàn bộ chuỗi cung ứng bị thắt lại ở nhiều điểm. Đại dịch bùng mạnh ở khu vực Đông Nam Á trong quý 3 buộc các nhà máy tại khu vực này phải đóng cửa hàng loạt. Một số cảng biển lớn ở Trung Quốc tắc cứng vì các biện pháp kiểm soát Covid ngặt nghèo. Khủng hoảng thiếu con chip do nhu cầu bùng nổ thiết bị công nghệ, rồi khủng hoảng thiếu điện ở Trung Quốc, thiếu container, thiếu tàu chở hàng, thiếu tài xế xe tải... tất cả đều khiến chuỗi cung ứng toàn cầu đã rồi càng thêm rối.



**Tăng trưởng kinh tế thế giới và các nhóm nước (%)**



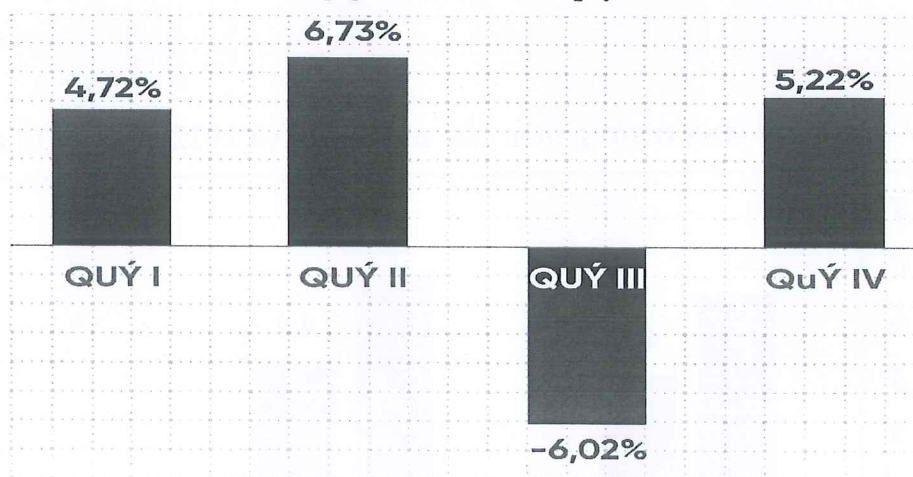
*Nguồn: Ngân hàng thế giới*

## 2. Kinh tế Việt Nam:

Năm 2020 Việt Nam là điểm sáng trụ vững trước các làn sóng đại dịch Covid 19, tuy nhiên năm 2021 chúng ta đã chịu ảnh hưởng sâu sắc, trực tiếp và gián tiếp đến toàn bộ nền kinh tế cũng như đến từng gia đình.

Sau khởi đầu mạnh mẽ trong quý 1 và duy trì đà tăng trưởng trong quý 2/2021, nền kinh tế Việt Nam đã bị ảnh hưởng tiêu cực khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát nhanh từ cuối tháng 4, thời điểm mà hầu hết dân số còn chưa được tiêm chủng. Các nỗ lực để truy vết và ngăn chặn dịch bệnh hầu như không hiệu quả trước sự lây lan nhanh chóng của biến chủng Delta. Dịch bệnh sau đó bùng phát mạnh và lan rộng đến các cụm công nghiệp và các khu vực có mật độ dân số cao như Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương và sau đó là Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai... Cuối quý 3/2021 khi việc tiêm chủng được tiến hành rộng rãi trên cả nước dịch bệnh đã dần được kiểm soát. Các đợt phong tỏa trên diện rộng hầu hết chỉ được dỡ bỏ trong quý 4 khi thực hiện chuyển đổi chiến lược chống dịch của Chính phủ. Nền kinh tế đã có bước chuyển biến tích cực trong quý 4/2021 đạt mức 5,22% so với mức GDP quý 3/2021 giảm 6% - mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP hàng quý cho đến nay.

### Tốc độ tăng/giảm GDP các quý năm 2021



Nguồn: vov.vn

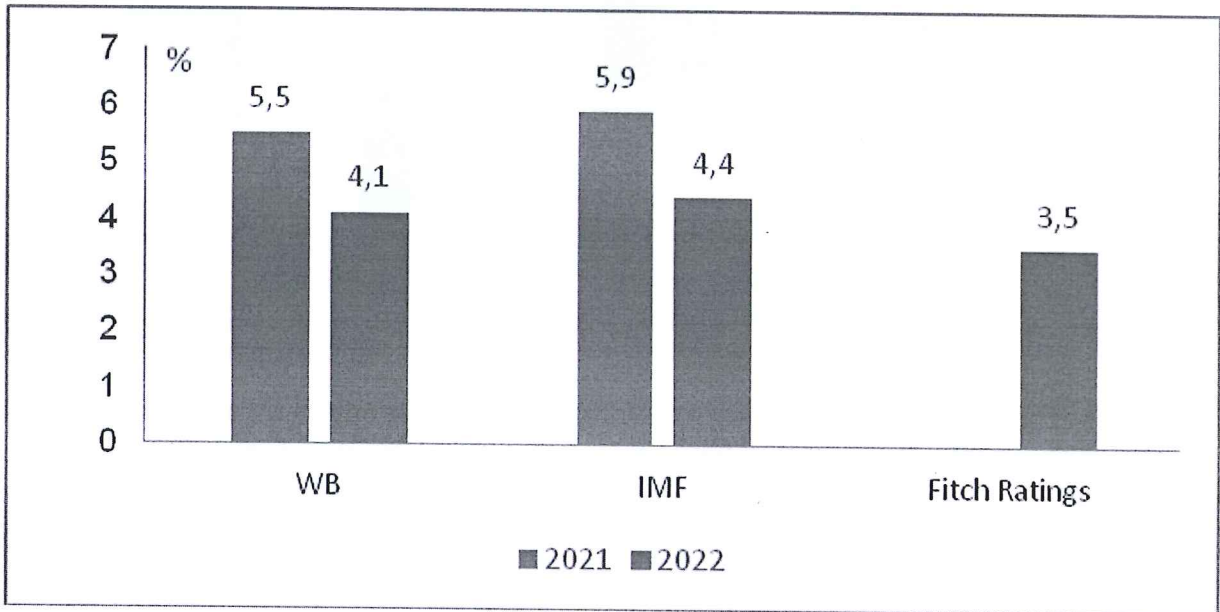
Tính chung cả năm 2021, GDP đạt mức 2,58%, bằng ½ mức bình quân của toàn cầu. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2021 thấp nhất kể từ năm 1986 trở lại đây nhưng các chỉ số kinh tế vĩ mô năm 2021 của Việt Nam vẫn giữ ổn định, đây là nền tảng quan trọng trong việc duy trì được sự hồi phục kinh tế cho năm 2022.

### 3. Triển vọng năm 2022:

**Nền kinh tế toàn cầu:** Tăng trưởng toàn cầu được dự báo giảm trong năm 2022.

Theo Báo cáo sơ bộ Triển vọng kinh tế thế giới phát hành vào tháng 3/2022, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) nhận định cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn, ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc kinh tế nghiêm trọng về thời gian và mức độ bất ổn. Mức độ tác động kinh tế do cuộc xung đột gây ra rất khó định lượng, phụ thuộc một phần vào thời gian xảy ra cuộc chiến và các phản ứng chính sách, nhưng chắc chắn xung đột sẽ tạo ra một lực cản lớn đối với tăng trưởng toàn cầu trong ngắn hạn và tạo áp lực lạm phát mạnh hơn. Theo ước tính của OECD, tăng trưởng toàn cầu năm 2022 đạt dưới mức 3,5%. Tương tự, Fitch Ratings nhận định chỉ đạt 3,5%; Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo đạt 4,1%; Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo đạt 4,4%.

### Dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2021 và 2022 của các tổ chức quốc tế



*Nguồn: WB, IMF, Fitch Ratings*

#### **Nền kinh tế khu vực Asean**

Các nền kinh tế Đông Nam Á nhiều khả năng sẽ tiếp tục đà hồi phục trước dịch bệnh trong năm 2022, với mức tăng 5,1%. Trong đó xuất khẩu là động lực then chốt. Con số này cao hơn so với mức 3% ước tính dành cho năm 2021, thời điểm dịch bệnh lây lan buộc nhiều nhà máy đóng cửa, góp phần làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. (Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á).

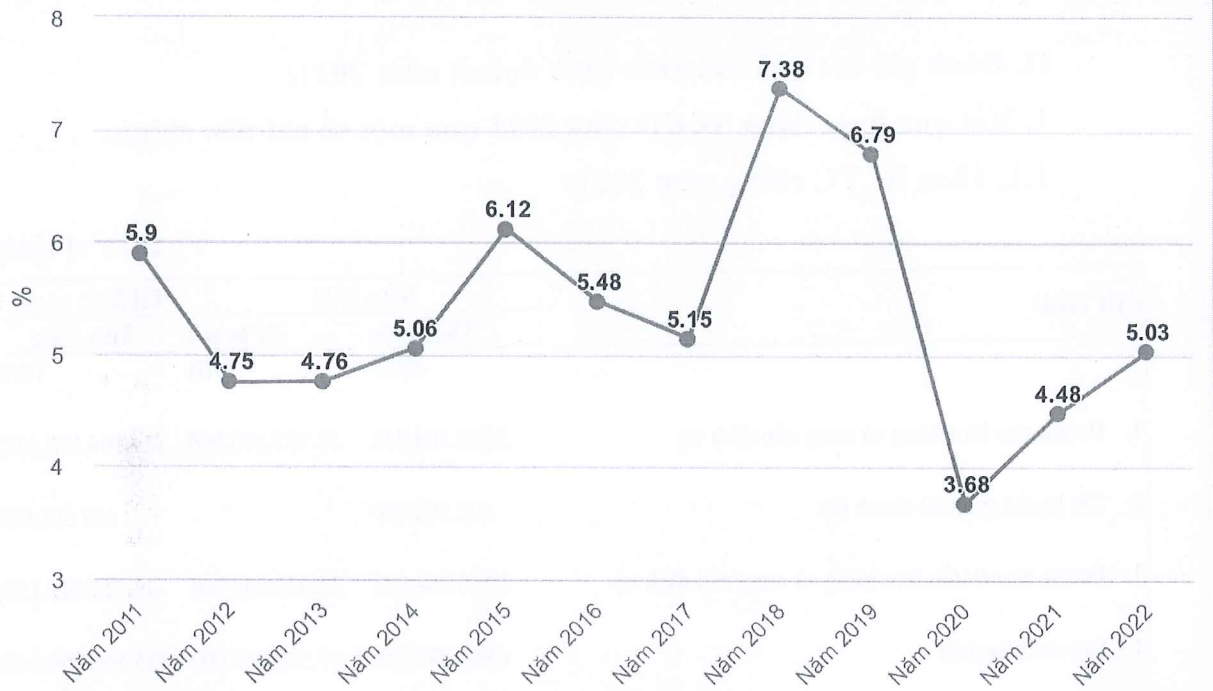
#### **Nền kinh tế Việt Nam**

Hầu hết các tổ chức kinh tế đều dự báo khá thận trọng về mức độ phục hồi của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022. Các định chế tài chính lớn như ADB, IMF, WB, HSBC đều có dự báo tăng trưởng GDP năm 2022 của Việt Nam ở mức 6,5%. Tương tự, Chính phủ cũng đã đề xuất lên Quốc hội kế hoạch tăng trưởng GDP từ 6 – 6,5% và lạm phát khoảng 4,0% trong năm 2022 cùng với các chỉ tiêu khác không quá khác biệt so với những năm trước. Điều này cho thấy Chính phủ ưu tiên phát triển nền kinh tế theo hướng ổn định và vững chắc trong năm 2022.

Kinh tế Việt Nam khởi sắc trong quý I/2022 khi tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng 5,03% so với cùng kỳ năm 2021. Hầu hết các ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi, tăng trưởng trở lại.

# Tăng trưởng GDP quý I

Năm 2011 - 2022



Source: vnexpress

## II. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

### 1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 qua một số chỉ tiêu chính:

#### 1.1. Theo BCTC riêng năm 2021:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021		TH 2021 so với KH 2021	
	Thực hiện	Kế hoạch	Biến động	Tỷ lệ
	VND	VND	VND	%
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.828.484.848</b>	<b>32.933.000.000</b>	<b>(29.104.515.152)</b>	<b>12%</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	607.500.000	-	607.500.000	
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.220.984.848</b>	<b>32.933.000.000</b>	<b>(29.712.015.152)</b>	<b>10%</b>
4. Giá vốn hàng bán	1.962.295.358	37.529.000.000	(35.566.704.642)	5%
<b>5. Lợi nhuận (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.258.689.490</b>	<b>(4.596.000.000)</b>	<b>5.854.689.490</b>	<b>127%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	334.529.041.755	378.838.000.000	(44.308.958.245)	88%
7. Chi phí tài chính	72.464.321.352	71.922.000.000	542.321.352	101%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>1.297.534.247</i>	<i>41.860.000.000</i>	<i>(40.562.465.753)</i>	<i>3%</i>
8. Chi phí bán hàng	-	1.500.000.000	(1.500.000.000)	0%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.017.426.938	63.064.000.000	(4.046.573.062)	94%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>204.305.982.955</b>	<b>237.756.000.000</b>	<b>(33.450.017.045)</b>	<b>86%</b>
11. Thu nhập khác	1.466.685.114	-	1.466.685.114	
12. Chi phí khác	201.002.537	-	201.002.537	
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>1.265.682.577</b>	<b>-</b>	<b>1.265.682.577</b>	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>205.571.665.532</b>	<b>237.756.000.000</b>	<b>(32.184.334.468)</b>	<b>86%</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>205.571.665.532</b>	<b>237.756.000.000</b>	<b>(32.184.334.468)</b>	<b>86%</b>

## 1.2 Theo BCTC hợp nhất năm 2021:

Đơn vị tính:  
đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021		TH 2021 so với KH 2021	
	Thực hiện	Kế hoạch	Biến động	Tỷ lệ
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.489.764.180.617</b>	<b>1.833.930.000.000</b>	<b>(344.165.819.383)</b>	<b>81%</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.521.703.013	0	1.521.703.013	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.488.242.477.604</b>	<b>1.833.930.000.000</b>	<b>(345.687.522.396)</b>	<b>81%</b>
4. Giá vốn hàng bán	1.128.175.474.699	1.483.250.000.000	(355.074.525.301)	76%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>360.067.002.905</b>	<b>350.680.000.000</b>	<b>9.387.002.905</b>	<b>103%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	70.894.746.268	43.307.000.000	27.587.746.268	164%
7. Chi phí tài chính	52.863.576.756	90.980.000.000	(38.116.423.244)	58%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>29.983.317.576</i>	<i>81.843.000.000</i>	<i>(51.859.682.424)</i>	<i>37%</i>
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	126.415.522.668	228.024.000.000	(101.608.477.332)	55%
9. Chi phí bán hàng	39.020.108.221	47.840.000.000	(8.819.891.779)	82%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	138.349.587.213	152.991.000.000	(14.641.412.787)	90%
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>327.143.999.651</b>	<b>330.200.000.000</b>	<b>(3.056.000.349)</b>	<b>99%</b>
12. Thu nhập khác	2.797.691.637	480.000.000	2.317.691.637	583%
13. Chi phí khác	7.048.887.057	5.070.000.000	1.978.887.057	139%
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>(4.251.195.420)</b>	<b>(4.590.000.000)</b>	<b>338.804.580</b>	<b>93%</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>322.892.804.231</b>	<b>325.610.000.000</b>	<b>(2.717.195.769)</b>	<b>99%</b>
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	47.400.004.918	41.227.000.000	6.173.004.918	115%
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	11.184.217.265	(48.000.000)	11.232.217.265	
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>264.308.582.048</b>	<b>284.431.000.000</b>	<b>(20.122.417.952)</b>	<b>93%</b>
<i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>	<i>236.700.815.510</i>	<i>281.265.000.000</i>	<i>(44.564.184.490)</i>	<i>84%</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>27.607.766.538</i>	<i>3.166.000.000</i>	<i>24.441.766.538</i>	<i>872%</i>

## 2. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2021:

+ **Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính giảm:** so với kế hoạch đã đề ra của năm 2021, doanh thu từ hoạt động kinh doanh cây kiềng, cho thuê mặt bằng... chỉ đạt 10%. Nguyên nhân là năm 2021, nền kinh tế tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, hoạt động kinh doanh cây kiềng không gặp thuận lợi như các năm trước mặc dù Ban kinh doanh cây kiềng đã thực hiện nhiều đợt tiếp xúc với khách hàng tiềm năng để thanh lý theo lô lớn.

+ **Doanh thu tài chính giảm:** trong năm 2021, Tổng Công ty đã nhận được cổ tức từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết là hơn 314 tỷ đồng. Cụ thể:

		TH 2021	KH 2021	Tỷ lệ
<b>I.</b>	<b>Cổ tức từ các công ty con</b>			
	CTCP Thương mại Tổng hợp Thuận An	3.110.987.880	3.111.000.000	100%
	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	786.874.601	3.376.000.000	23%
	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	80.000.000.000	77.796.000.000	103%
<b>II.</b>	<b>Cổ tức từ các công ty liên doanh, liên kết</b>			
	CTCP Hưng Vượng	-	4.635.000.000	0%
	CTCP May mặc Bình Dương	5.866.819.000	17.600.400.000	33%
	Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam	225.000.000.000	255.000.000.000	88%
<b>III.</b>	<b>Cổ tức từ các khoản đầu tư khác</b>			
	CTCP Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	60.000.000	60.000.000	100%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>314.824.681.481</b>	<b>361.578.400.000</b>	<b>87%</b>

Năm 2021 là một năm có ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các công ty ở địa bàn Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh. Hầu hết các công ty phải tạm ngưng hoạt động từ 2 đến 3 tháng theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương để phòng chống và dập đại dịch Covid-19. Ngoài ra, các công ty đều dành một phần lợi nhuận năm 2021 để hỗ trợ cho đời sống người lao động, hỗ trợ địa phương chống dịch, một số công ty phát sinh lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch. Vì vậy, kế hoạch tạm ứng một phần cổ tức trong năm 2021 từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021 như kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đã không được thực hiện. Tuy nhiên, so với năm 2020, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư đã tăng 23%. Đây là nỗ lực rất lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên trong năm 2021 để hoàn thành các chỉ tiêu đã đặt ra.

### + Chi phí tài chính giảm:

Trong năm 2021, chi phí lãi vay giảm đáng kể so với kế hoạch do khoản dự trù phải trả lãi vay cho Tỉnh ủy Bình Dương trong năm 2021 như kế hoạch chưa được thực hiện. So với năm 2020, chi phí lãi vay chỉ bằng 5% do chỉ phát sinh khoản vay vào cuối niên độ tài chính.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện việc trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên doanh, liên kết với tổng chi phí là hơn 70,8 tỷ đồng (tăng 20% so với năm 2020 và tăng 236% so với kế hoạch 2021) theo hướng dẫn



của Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Dự phòng đầu tư tài chính năm 2021 tăng do kết quả kinh doanh từ các công ty cung cấp dịch vụ sân golf do bị hạn chế kinh doanh để phòng chống dịch Covid-19 như đã nêu ở trên. Ngoài ra, đồng Kíp Lào giảm đáng kể so với Việt Nam đồng trong năm 2021 cũng góp phần làm giảm tổng tài sản của CTCP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào khi chuyển đổi báo cáo tài chính từ Kíp Lào sang Việt Nam đồng. Cụ thể từng khoản trích lập dự phòng như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Dự phòng năm 2021	Dự phòng năm 2020	Thay đổi	Tỷ lệ thay đổi
Công ty TNHH MTV Sân Golf Palm Sông Bé	100%	14.582.833.978	6.620.521.961	7.962.312.017	120%
CTCP Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	24%	(13.551.686.991)	(9.603.489.522)	(3.948.197.469)	41%
CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	30%	17.859.739.064	15.801.230.100	2.058.508.964	13%
CTCP Phát triển Phú Mỹ	35%	17.841.598.226	18.083.680.203	(242.081.977)	-1%
CTCP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	50,50%	34.093.215.657	27.915.062.334	6.178.153.323	22%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>70.825.699.934</b>	<b>58.817.005.076</b>	<b>12.008.694.858</b>	<b>20%</b>

**Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng:** chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện năm 2021 tăng khoản 10 tỷ so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu tăng dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi. Tuy nhiên, so với kế hoạch 2021, chi phí quản lý doanh nghiệp đã tiết giảm khoản 4 tỷ từ việc tiết giảm các khoản chi phí dự chi.

Loại chi phí	Năm 2021	Tỷ lệ	Năm 2020	Tỷ lệ
	VND		VND	
Chi phí công cụ, dụng cụ	90.589.517	0%	177.714.701	0%
Chi phí nhân công	17.480.463.546	30%	20.394.144.122	41%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.443.962.570	2%	1.435.494.812	3%
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng	3.528.589.428	6%	(6.600.000.000)	-13%
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	0%	3.000.000	0%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.051.444.657	22%	13.356.732.692	27%
Chi phí khác bằng tiền	4.117.396.000	7%	1.732.669.258	3%
Lợi thế kinh doanh phân bổ	19.301.981.220	33%	19.301.982.829	39%
	<b>59.017.426.938</b>		<b>49.801.738.414</b>	

### 3. Tình hình đầu tư:

Trong năm 2021, Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chuẩn bị cho việc thoái vốn các khoản đầu tư tại Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú, CTCP Thương mại Tổng hợp Thuận An, Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành theo Nghị quyết phê duyệt của Hội đồng quản trị.

### 4. Đánh giá tình hình tài chính:

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020
<b>1. Hệ số khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,89	0,69
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,73	0,58
- Hệ số khả năng thanh toán bằng tiền	lần	0,07	0,35
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,23	0,30
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,30	0,44
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	0,01	0,08
- Số ngày tồn kho bình quân	ngày	27.572	4.369
- Tổng doanh thu/Tổng tài sản	lần	0,08	0,07
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số LNST/Tổng doanh thu	%	60,9%	49%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,3%	4,8%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu và vay dài hạn	%	6,3%	4,8%
- Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	4,9%	3,2%

+ **Hệ số khả năng thanh toán:** hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2021 có nhiều cải thiện so với năm 2020 là do trong năm 2021 Tổng Công ty đã tập trung nộp bổ sung tiền phải trả cho chủ sở hữu khi cổ phần hóa theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước với số tiền là hơn 494 tỷ đồng. Trong khi hệ số khả năng thanh toán bằng tiền năm 2021 giảm đáng kể so với năm 2020 là do Tổng Công ty đã tạm nộp hơn 200 tỷ tiền sử dụng đất bổ sung và 70 tỷ đồng tiền chậm nộp theo thông báo của Cục thuế tỉnh Bình Dương (xem thêm Thuyết minh nợ tiềm tàng ở phần báo cáo kiểm toán năm 2021).

+ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** sau khi Tổng Công ty đã nộp bổ sung hơn 494 tỷ đồng như đã nói ở trên trong năm 2021 cộng với kết quả kinh doanh khả quan của năm 2021 so với năm 2020 (tăng 44% ở mức LNST), hệ số nợ/Tổng tài sản và hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu đã được cải thiện đáng kể so với năm 2020.

+ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** đối với doanh thu từ kinh doanh cây kiểng, cho thuê tài sản thì trong năm 2021 gặp nhiều bất lợi do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Do đó, vòng quay hàng tồn kho giảm rõ rệt so với năm 2020 làm cho số ngày tồn kho từ mức 4.369 ngày (11,9 năm) trong năm 2020 tăng đột biến lên 27.572 ngày (75,5 năm) trong năm 2021. Tuy nhiên, chỉ số tổng doanh thu/Tổng tài sản trong năm 2021 có cải thiện so với năm 2020 khi các công ty trong Tổng Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn để gần hoàn thành mục tiêu kinh doanh đã đề ra để đóng góp vào lợi nhuận chung của Tổng Công ty.

+ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:** nhìn chung, toàn bộ các chỉ số trong năm 2021 đều cải thiện đáng kể so với năm 2020. Điều này thể hiện mức tăng trưởng 44% của lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với năm 2020 mặc dù năm 2021 chỉ đạt 86% so với kế hoạch đã được phê duyệt.

**Tóm lại:** mặc dù các công ty được sở hữu bởi Tổng Công ty tiếp tục bị ảnh hưởng đáng kể của đại dịch Covid-19 như các phân tích ở trên nhưng một số công ty cố gắng khắc phục để đạt được kế hoạch đã đề ra bên cạnh một số công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ sân golf, sản xuất kinh doanh chưa có dấu hiệu hồi phục. Đó là nguyên nhân chủ yếu làm cho kết quả kinh doanh của Tổng Công ty chỉ đạt 86% so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Tuy nhiên, so với năm 2020, lợi nhuận sau thuế năm 2021 vẫn tăng trưởng 44%.

### III. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

1. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC riêng & hợp nhất năm 2022 dự kiến như sau:

#### 1.1. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC riêng năm 2022:

CHỈ TIÊU	Năm 2022 (KH) VND	Năm 2021 [đã kiểm toán] VND	KH 2022 vs ước TH 2021	Tỷ lệ
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>5.460.000.000</b>	<b>3.828.484.848</b>	<b>1.631.515.152</b>	143%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	607.500.000	(607.500.000)	0%
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>5.460.000.000</b>	<b>3.220.984.848</b>	<b>2.239.015.152</b>	170%
4. Giá vốn hàng bán	16.969.000.000	1.962.295.358	15.006.704.642	865%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>(11.509.000.000)</b>	<b>1.258.689.490</b>	<b>(12.767.689.490)</b>	-914%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	330.724.000.000	334.529.041.755	(3.805.041.755)	99%
7. Chi phí tài chính	85.956.000.000	72.464.321.352	(42.323.835.750)	119%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>11.100.000.000</i>	<i>1.297.534.247</i>	<i>9.802.465.753</i>	855%
8. Chi phí bán hàng	150.000.000	-	150.000.000	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	77.457.000.000	59.017.426.938	18.370.230.313	131%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>155.652.000.000</b>	<b>204.305.982.955</b>	<b>7.230.874.192</b>	76%
11. Thu nhập khác	-	1.466.685.114	(1.466.685.114)	0%
12. Chi phí khác	-	201.002.537	(201.002.537)	0%
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>-</b>	<b>1.265.682.577</b>	<b>(1.265.682.577)</b>	0%
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>155.652.000.000</b>	<b>205.571.665.532</b>	<b>5.965.191.615</b>	76%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>155.652.000.000</b>	<b>205.571.665.532</b>	<b>5.965.191.615</b>	76%

## 1.2. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC hợp nhất năm 2022:

CHỈ TIÊU	Năm 2022 (Kế hoạch)	Năm 2021 [đã kiểm toán]	KH 2022 vs ước TH 2021	Tỷ lệ
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.356.737.000.000</b>	<b>1.489.764.180.617</b>	<b>(133.027.180.617)</b>	<b>91%</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.521.703.013	(1.521.703.013)	0%
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.356.737.000.000</b>	<b>1.488.242.477.604</b>	<b>(131.505.477.604)</b>	<b>91%</b>
4. Giá vốn hàng bán	935.450.000.000	1.128.175.474.699	(192.725.474.699)	83%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>421.287.000.000</b>	<b>360.067.002.905</b>	<b>61.219.997.095</b>	<b>117%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	59.576.000.000	70.894.746.268	(11.318.746.268)	84%
7. Chi phí tài chính	95.076.000.000	52.863.576.756	42.212.423.244	180%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>33.150.000.000</i>	<i>29.983.317.576</i>	<i>3.166.682.424</i>	<i>111%</i>
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	186.157.000.000	126.415.522.668	59.741.477.332	147%
8. Chi phí bán hàng	36.862.000.000	39.020.108.221	(2.158.108.221)	94%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	171.571.000.000	138.349.587.213	33.221.412.787	124%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>363.511.000.000</b>	<b>327.143.999.651</b>	<b>36.367.000.349</b>	<b>111%</b>
11. Thu nhập khác	278.000.000	2.797.691.637	(2.519.691.637)	10%
12. Chi phí khác	-	7.048.887.057	(7.048.887.057)	0%
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>278.000.000</b>	<b>(4.251.195.420)</b>	<b>4.529.195.420</b>	<b>-7%</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>363.789.000.000</b>	<b>322.892.804.231</b>	<b>40.896.195.769</b>	<b>113%</b>
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	55.082.000.000	47.400.004.918	7.681.995.082	116%
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.345.000.000	11.184.217.265	(6.839.217.265)	39%
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>304.362.000.000</b>	<b>264.308.582.048</b>	<b>40.053.417.952</b>	<b>115%</b>
<i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>	<i>279.891.630.000</i>	<i>236.700.815.510</i>	<i>43.190.814.490</i>	<i>118%</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>24.470.370.000</i>	<i>27.607.766.538</i>	<i>(3.137.396.538)</i>	<i>89%</i>
<b>19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>933</b>	<b>789</b>	<b>144</b>	<b>118%</b>

## 2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

Căn cứ vào kế hoạch lợi nhuận của BCTC riêng năm 2022 đã được báo cáo, Ban TGD đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5% LNST năm 2022
Quỹ đầu tư phát triển	5% LNST năm 2022
Quỹ thưởng ban điều hành	1% LNST năm 2022
Thù lao HĐQT, BKS, Ban thư ký	3% LNST năm 2022
Chia cổ tức	150.000.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ 5% trên mệnh giá CP.

Kính thưa quý cổ đông, trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP. Ban điều hành và toàn thể nhân viên Tổng Công ty sẽ nỗ lực hết mình để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được toàn thể cổ đông giao phó.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT & BKS;
- Lưu: VT.

**TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN AN ĐỊNH**